****

**BẢNG KIỂM TRA Y TẾ DỰ PHÒNG**

**SỬ DỤNG CHO TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH /THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6326/QĐ-BYT, ngày 24/10/2016*

*Của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Tên đơn vị: ………………………………….………………………………….

Địa chỉ (đường phố, xã, phường, thị trấn): ….…………………………………

Quận /huyện /thị xã /thành phố: ………..………………………………………

Tỉnh /thành phố: ……………………………...………………………………...

Hạng đơn vị (Hạng I, II, III, IV hoặc chưa xếp hạng): ….……………………..

Điện thoại cơ quan: …………………....……… Fax: ……......……………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày tháng năm 20….***GIÁM ĐỐC** |

**A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH: 40 ĐIỂM**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra****(2)** | **Kết quả thực hiện****(3)** | **Điểm chuẩn****(4)** | **Điểm tự chấm****(5)** | **Điểm kiểm tra****(6)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị:** | **10** |  |  |
| 1.1 | Đề án vị trí việc làm*(Kiểm tra Đề án vị trí việc làm được phê duyệt)* | Phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và nhu cầu thực tế của đơn vị và được cấp có thẩm quyền phê duyệt | 2 |  |  |
| Phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và nhu cầu thực tế của đơn vị nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 1.2 | Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng thuộc Trung tâm*(Kiểm tra chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trung tâm)* | Đúng quy định theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt  | 2 |  |  |
| Không theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt | 1 |  |  |
|  Không có  | 0 |  |  |
| 1.3 | Công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động *(Quy chế, quy định về công tác tuyển dụng; đào tạo, bồi dưỡng;Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt; kế hoạch bổ nhiệm...*; *Các văn bản đã triển khai liên quan đến quy trình tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm)* | Có xây dựng quy chế và thực hiện đầy đủ | 2 |  |  |
| Có xây dựng quy chế nhưng không thực hiện đầy đủ | 1 |  |  |
| Không có quy chế | 0 |  |  |
| 1.4 | Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý *(Kiểm tra kế hoạch, biên bản, sổ sách lưu về việc kiểm tra, đánh giá công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Luật công chức, Luật viên chức)* | Có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của công chức, viên chức, người lao động hàng năm và thực hiện đầy đủ | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 1.5 | Đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm. *(Kiểm tra biên bản họp xét đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.* | Thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **2** | **Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động** | **2** |  |  |
| 2.1 | Thực hiện các quyền của công chức, viên chức, người lao động*(Kiểm tra hồ sơ, sổ sách lưu, lấy ý kiến trực tiếp 10 cán bộ của đơn vị “ngẫu nhiên”)* | Thực hiện đầy đủ các quyền về hoạt động nghề nghiệp; tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương, tiền thưởng; chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép; khen thưởng và các chế độ khác theo quy định của pháp luật | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ các quyền của viên chức | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **3** | **Thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị** | **6** |  |  |
| 3.1 | Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm *(Kiểm tra sổ sách ghi chép, biên bản Hội nghị)* | Tổ chức Hội nghị theo quy định, có nghị quyết Hội nghị và thực hiện theo nghị quyết. | 2 |  |  |
| Tổ chức Hội nghị không theo quy định. | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 3.2 | Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị *(Kiểm tra trực tiếp nội dung và hình thức thông báo đến cán bộ, viên chức của đơn vị)* | Có nội quy, quy chế cơ quan được niêm yết công khai tại cơ quan | 2 |  |  |
| Có xây dựng nội quy, quy chế nhưng không niêm yết tại cơ quan | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 3.3 | Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan. *(Kiểm tra trực tiếp trên hồ sơ, sổ sách, văn bản của đơn vị)* | Được thông báo, phố biến đến các khoa, phòng và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ | 2 |  |  |
| Được thông báo, phố biến đến các khoa, phòng nhưng không đầy đủ | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **4** | **Công tác kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo** | **4** |  |  |
| 4.1 | Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch của đơn vị *(Kiểm tra Bản kế hoạch năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kế hoạch quí, tháng và kết quả thực hiện)* | Xây dựng kế hoạch khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện đầy đủ đảm bảo tiến độ. | 2 |  |  |
| Thực hiện đầy đủ nhưng chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra. | 1 |  |  |
| Thực hiện không theo kế hoạch | 0 |  |  |
| 4.2 | Công tác báo cáo *(Kiểm tra báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng và cả năm; báo cáo đột xuất của đơn vị “nếu có”)* | Thực hiện đầy đủ  | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **5** | **Công tác quản lý kinh phí, vật tư, hóa chất, thuốc, trang thiết bị, phương tiện** | **6** |  |  |
| 5.1 | Quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị *(Kiểm tra văn bản quy định về sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, danh mục và sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị, lý lịch máy, kế hoạch hiệu chuẩn, hiệu chỉnh máy móc, trang thiết bị)* | Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, khai thác sử dụng, hiệu quả, tiết kiệm | 2 |  |  |
| Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị nhưng không đầy đủ, khai thác sử dụng hiệu quả thấp | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 5.2 | Quản lý tài chính *(Kiểm tra Dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt)* | Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; Sử dụng kinh phí đúng quy định hiện hành, đạt hiệu quả cao. | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng kinh phí đúng quy định nhưng hiệu quả hạn chế. | 1 |  |  |
| Kinh phí sử dụng không đúng mục đích hoặc có sai sót trong quản lý tài chính. | 0 |  |  |
| 5.3 | Quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin. *(Kiểm tra kế hoạch tiếp nhận, quản lý, phân phối: vật tư, thuốc, hóa chất..;kiểm tra kho, các thiết bị bảo quản, việc thực hiện các quy định về bảo quản thuốc, hóa chất, vắc xin sinh phẩm y tế theo các quy định của Bộ Y tế và các quy định hiện hành khác)* | Xây dựng quy chế quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành | 2 |  |  |
| Thực hiện không đầy đủ các quy định | 1 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **6** | **Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị văn phòng** | **4** |  |  |
| 6.1 | Công tác quản lý, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của đơn vị *(Kiểm tra trực tiếp phòng làm việc, phòng xét nghiệm đảm bảo các quy định về an toàn sinh học của Bộ Y tế, nhà kho, khu vực dịch vụ: đảm bảo không bị thấm, dột, tường không bị bong tróc)* | Có kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm; 100% các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học | 2 |  |  |
| Có kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm;≥80% - <100% các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học | 1 |  |  |
| Không đảm bảo các tiêu chí trên | 0 |  |  |
| 6.2 | Trang thiết bị văn phòng *(Kiểm tra các văn bản quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị văn phòng, kiểm tra cụ thể về trang thiết bị làm việc của cán bộ, viên chức theo các quy định của pháp luật)* | Có quy định về sử dụng trang thiết bị văn phòng; 100% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao | 2 |  |  |
| ≥90% - <100% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao | 1 |  |  |
| Không đảm bảo các điều kiện trên | 0 |  |  |
| **7** | **Công tác quản lý thông tin** | **2** |  |  |
| 7.1 | Hệ thống quản lý thông tin nội bộ*(kiểm tra các văn bản, quy định liên quan và hệ thống)* | Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo quá trình thu thập, xử lý, truyền thông tin hiệu quả | 1 |  |  |
| Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện không đầy đủ, hiệu quả thấp | 0.5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| 7.2 | Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu về chuyên môn nghiệp vụ *(kiểm tra các văn bản, quy định liên quan và hệ thống)*  | Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, được vận hành thường xuyên  | 1 |  |  |
| Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, không vận hành thường xuyên | 0.5 |  |  |
| Không thực hiện | 0 |  |  |
| **8** | **Công tác vệ sinh môi trường** | **2** |  |  |
|  | Quản lý chất thải y tế của đơn vị *(kiểm tra việc triển khai các văn bản pháp lý về việc thu gom, xử lý chất thải y tế của đơn vị, các hợp đồng về thu gom, xử lý chất thải y tế “đối với các đơn vị không có hệ thống xử lý chất thải y tế” theo quy định hiện hành)* | Có kế hoạch quản lý chất thải y tế của đơn vị và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành | 2 |  |  |
| Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành  | 1 |  |  |
|  Không thực hiện | 0 |  |  |
| **9** | **Công tác phòng cháy chữa cháy** | **2** |  |  |
|  | Kế hoạch phòng cháy chữa cháy của đơn vị *(Kiểm tra nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy của đơn vị; hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy theo quy định của cơ quan Công an)* | Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành | 2 |  |  |
| Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành  | 1 |  |  |
|  Không thực hiện | 0 |  |  |
| **10** | **Hoạt động quản lý khác** |  |  |  |
|  | Công tác Đảng, Đoàn, Công đoàn*(kiểm tra báo cáo công tác Đảng, Đoàn, Công đoàn và xác nhận của cấp có thẩm quyền)* | Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh; Công đoàn cơ sở xuất sắc toàn diện; Đoàn thanh niên xuất sắc | 2 |  |  |
| Thiếu một trong ba nội dung trên | 1 |  |  |
| Không đạt các nội dung trên hoặc có cá nhân, tập thể vi phạm kỷ luật | 0 |  |  |
|  | **Cộng** | **40** |  |  |

**B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN: 60 ĐIỂM**

*(Theo Thông tư số 51/2014/TT-BYT, ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**I. Kiểm soát bệnh truyền nhiễm: 12 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | Kiểm soát bệnh truyền nhiễm | **8** |  |  |
| 1 | Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm hằng năm *Kiểm tra:**Kế hoạch các hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm được phê duyệt; Các kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo từng lĩnh vực riêng biệt.* | 0,5 |  |  |
| 2 | Quản lý, điều phối các các hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn | 1 |  |  |
| Tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở Y tế và các đơn vị liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh*Kiểm tra:**Văn bản chỉ đạo, công văn; Các hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật* | 0,5 |  |  |
| Tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở Y tế và các cơ quan liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh*Kiểm tra: Phản hồi thông tin với các tuyến; Kế hoạch giám sát; Báo cáo giám sát hỗ trợ* | 0,5 |  |  |
| 3 | Thực hiện giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh. | 1 |  |  |
| Thực hiện trực dịch, chủ động giám sát ca bệnh tại các cơ sở điều trị*Kiểm tra: Danh sách trực dịch hàng tháng có phê duyệt của lãnh đạo đơn vị; Sổ trực dịch (ghi nhận, bàn giao, chữ ký); Báo cáo trực dịch; Lịch phân công cán bộ giao ban với đơn vị điều trị bệnh truyền nhiễm* | 0,25 |  |  |
| Thực hiện tổng hợp, phân tích số liệu giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu bệnh truyền nhiễm*Kiểm tra: Quyết định phân công cán bộ thực hiện quản lý phần mềm giám sát bệnh truyền nhiễm; Biểu đồ phân tích theo thời gian địa điểm, các yếu tố dịch tễ học liên quan các bệnh truyền nhiễm; Báo cáo BTN tuần, tháng, quí theo qui định hiện hành; Báo cáo tổng kết quý, 6 tháng, cả năm* | 0,25 |  |  |
| Thực hiện giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh*Kiểm tra: Có quyết định phân công cán bộ/nhóm thực hiện nhiệm vụ về côn trùng và động vật y học; Các báo cáo giám sát, phòng chống véc tơ vật chủ trung gian truyền bệnh* | 0,25 |  |  |
| Dự báo tình hình dịch bệnh và cung cấp, phản hồi thông tin bệnh truyền nhiễm*Kiểm tra: Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch bệnh; Công văn/email phản hồi kết quả xét nghiệm, tình hình dịch bệnh tại địa phương* | 0,25 |  |  |
| 4 | Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế.  | 1,5 |  |  |
| Các ổ dịch lưu hành được quản lý, giám sát và xử lý theo đúng qui định*Kiểm tra: Báo cáo cập nhật tình hình giám sát và xử lý ổ dịch; Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch; Báo cáo kết thúc ổ dịch* | *0,5* |  |  |
| Các ổ dịch mới được điều tra và xử lý theo đúng quy định*Kiểm tra: Báo cáo cập nhật tình hình giám sát và xử lý ca bệnh/ổ dịch mới theo qui định; Danh sách ca bệnh, phiếu điều tra; Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch bệnh; Báo cáo kết thúc ổ dịch* | *0,5* |  |  |
| Có Đội cơ động phòng chống dịch và đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị để chống dịch*Kiểm tra: Quyết định thành lập đội cơ động phòng chống dịch; Danh sách thành viên đội cơ động; Lịch trực đội cơ động theo tình hình dịch, thời gian; Danh mục vật tư, hóa chất, trang thiết bị của đội cơ động* | *0,25* |  |  |
|  | Có đủ năng lực thực hiện khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh theo yêu cầu*Kiểm tra: Báo cáo xử lý ổ dịch, khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh* | *0,25* |  |  |
| 5 | Phối hợp với các ngành/đơn vị liên quan để chủ động phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm.  | 0,75 |  |  |
| Phối hợp liên ngành Y tế - Thú y theo Thông tư liên tịch số 16*Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành giữa Y tế - Thú y; Quyết định phân công cán bộ đầu mối thực hiện trao đổi thông tin với ngành thú y;* *Báo cáo trường hợp bệnh/ổ dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người (nếu có) theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16; Báo cáo bệnh lây truyền từ độngvật sang người theo tháng/quý/năm theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16; Biên bản họp định kỳ theo quý giữa đơn vị Y tế và Thú y* | *0,5* |  |  |
| Phối hợp liên ngành Y tế với các ban ngành khác trong công tác phòng chống dịch bệnh (Chương trình cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh)*Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động* | *0,25* |  |  |
| 6 | Triển khai các hoạt động truyền thông nguy cơ, truyền thông giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi cho người dân và cộng đồng về phòng chống bệnh truyền nhiễm | 0,5 |  |  |
| Xây dựng tài liệu /nội dung truyền thông*Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động* | *0.25* |  |  |
| Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe*Kiểm tra: Kế hoạch và các chương trình hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe; Báo cáo hoạt động truyền thông* | *0.25* |  |  |
| 7 | Thực hiện quy chế phát ngôn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và xử lý khủng hoảng thông tin | *0,5* |  |  |
| Có quy chế phát ngôn*Kiểm tra: Quy chế phát ngôn được phê duyệt và thực hiện* | *0,25* |  |  |
| Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin về tình hình dịch bệnh, xử lý khủng hoảng thông tin*Kiểm tra: Có đầy đủ, kịp thời các thông tin diễn biến tình hình dịch bệnh trên địa bàn gửi tới cơ quan có trách nhiệm* | *0,25* |  |  |
| 8 | Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn*Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả thực hiện* | 0,75 |  |  |
| 9 | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra hằng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết cuối năm đánh giá mục tiêu, chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch* | 1 |  |  |
| 10 | Thực hiện thống kê, báo cáo tình hình bệnh dịch truyền nhiễm trên địa bàn theo quy định về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh dịch truyền nhiễm*Kiểm tra: Có đầy đủ các báo cáo theo qui định; Các báo cáo có đầy đủ thông tin và gửi đúng hạn tới các đơn vị liên quan* | 0,5 |  |  |
| **II** | Quản lý vắc xin và tiêm chủng  | **4** |  |  |
|  | Xây dựng đầy đủ kế hoạch các hoạt động về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh hằng năm*Kiểm tra: Kế hoạch TCMR hàng năm của đơn vị được phê duyệt; Các kế hoạch tiêm chủng theo chiến dịch, dịch vụ* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện tiêm chủng đầy đủ trên địa bàn theo quy định | 0,75 |  |  |
| Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ quy mô huyện trong toàn tỉnh > 95% trong năm*Báo cáo kết quả tiêm chủng trong năm* | 0,25 |  |  |
| Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B 24h sau sinh qui mô huyện trong toàn tỉnh > 70% trong năm*Báo cáo kết quả tiêm chủng viêm gan B 24h sau sinh trong năm* | 0,25 |  |  |
| Không có thôn, bản, ấp trắng về tiêm chủng*Kiểm tra: Báo cáo kết quả tiêm chủng; Số thôn bản được tiêm chủng/Tổng số thôn bản* | 0,25 |  |  |
| 1.
 | Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp | 0,5 |  |  |
| Các cơ sở tiêm chủng được kiểm tra, giám sát hằng năm theo phân cấp*Kiểm tra: Kế hoạch giám sát được phê duyệt; Báo cáo kết quả giám sát* | 0,2 |  |  |
| Đạt chỉ tiêu giám sát liệt mềm cấp >1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi qui mô tỉnh trong năm*Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát liệt mềm cấp năm* | 0,1 |  |  |
| Đạt chỉ tiêu giám sát sốt phát ban nghi sởi/bệnh sởi theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm*Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát sốt phát ban nghi sởi/sởi trong năm* | 0,1 |  |  |
| Đạt chỉ tiêu giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm*Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh trong năm*  | 0,1 |  |  |
|  | Tiếp nhận, bảo quản và cung cấp vắc xin, sinh phẩm và vật tư tiêm chủng theo quy định | 0,5 |  |  |
| Vắc xin, sinh phẩm được tiếp nhận, bảo quản theo đúng quy định*Kiểm tra: Hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin theo qui định; Hệ thống sổ sách quản lý, ghi chép theo dõi dây chuyền lạnh, tủ bảo quản, theo dõi nhiệt độ… theo đúng qui định; Đảm bảo nhiệt độ bảo quản vắc xin theo qui định* | *0,25* |  |  |
| Bảo đảm cung ứng đầy đủ số lượng, chủng loại và chất lượng của vắc xin tiêm chủng mở rộngvà dịch vụ theo kế hoạch*Kiểm tra: Báo cáo cung ứng vắc xin so với kế hoạch và nhu cầu; Sổ theo dõi quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng của 12 tháng được ghi chép đầy đủ thông tin* | *0,25* |  |  |
|  | Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định | 0,75 |  |  |
| Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện* | *0,25* |  |  |
| Quản lý đầy đủ các địa điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn. Quản lý dữ liệu tiêm chủng đến qui mô xã/phường đầy đủ trong năm*Sổ quản lý và theo dõi cơ sở tiêm chủng; Hệ thống sổ sách và phần mền quản lý dữ liệu, đối tượng tiêm chủng đến xã/phường trong năm* | *0,25* |  |  |
| Đảm bảo an toàn tiêm chủng, giám sát và xử lý các phản ứng sau tiêm chủng đầy đủ theo qui định*Kiểm tra: Có sổ theo dõi và báo cáo phản ứng sau tiêm chủng ghi chép đầy đủ và đúng quy định; Trường hợp tai biến sau tiêm chủng nặng phải lưu trữ hồ sơ: phiếu điều tra và biên bản hội đồng* | *0,25* |  |  |
|  | Triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, thay đổi nhận thức, hành vi cho người dân và cộng đồng về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh | 0,5 |  |  |
| Xây dựng tài liệu/nội dung truyền thông*Kiểm tra: Các tài liệu truyền thông: các bài viết, tuyên truyền, băng đĩa, tờ rơi, áp phích, tờ rơi* | *0,25* |  |  |
| Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông cho cộng đồng nâng cao nhận thức về tiêm chủng*Kiểm tra: Kế hoạch truyền thông được phê duyệt; Báo cáo các hoạt động truyền thông* | *0,25* |  |  |
|  | Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ làm công tác tiêm chủng trên địa bàn, các cơ sở tiêm chủng đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định | 0,5 |  |  |
| Tập huấn về chuyên môn tiêm chủng hằng năm, 100% cơ sở tiêm chủng được thẩm định đủ điều kiệm tiêm chủng theo qui định*Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn, đào tạo; Tài liệu, chương trình tập huấn; Báo cáo tập huấn; Báo cáo thẩm định, giám sát cơ sở tiêm chủng* | *0,25* |  |  |
| Cấp và gia hạn giấy chứng nhận tiêm chủng cho các đối tượng và cơ sở tiêm chủng được tập huấn*Kiểm tra: Quyết định, hồ sơ lưu, danh sách các đối tượng được cấp giấy chứng nhận* | *0,25* |  |  |
|  | Thực hiện đầy đủ thông tin báo cáo trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng dịch vụ, bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, quản lý vắc xin - vật tư tiêm chủng.*Kiểm tra: Báo cáo kết quả TCMR, tiêm chủng dịch vụ; Báo cáo bệnh truyền nhiễm trong TCMR; Báo cáo quản lý vắc xin, vật tư hàng tháng* | 0,25 |  |  |
|  | Tổng cộng | **12** |  |  |

**II. Kiểm dịch y tế: 4 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động hàng năm cho công tác kiểm dịch y tế biên giới *Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động kiểm dịch y tế biên giới hàng năm được phê duyệt* | 0,5 |  |  |
|  | Tổ chức kiểm tra y tế, giám sát thường xuyên các bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật tại khu vực các cửa khẩu*Kiểm tra: Báo cáo kết quả thực hiện của các cửa khẩu/cảng/sân bay theo từng lĩnh vực; Sổ sách biểu mẫu theo dõi hàng ngày; Báo cáo kết qủa giám sát véc tơ/ vật chủ trung gian truyền bệnh* | 1 |  |  |
| * Người xuất, nhập cảnh, quá cảnh
 | *0,2* |  |  |
| * Phương tiện vận tải xuất, nhập cảnh, quá cảnh
 | *0,2* |  |  |
| * Hàng hoá xuất, nhập khẩu, quá cảnh theo quy định phải kiểm tra
 | *0,2* |  |  |
| * Giám sát môi trường, vật chủ trung gian và véc tơ truyền bệnh tại khu vực cửa khẩu
 | *0,2* |  |  |
| * Các đối tượng khác (nếu có) thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người
 | *0,2* |  |  |
|  | Thực hiện xử lý và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm dịch y tế theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo kết quả thực hiện của các cửa khẩu/cảng/sân bay theo từng lĩnh vực; Danh sách các đối tượng được xử lý và cấp giấy chứng nhận* | 0,8 |  |  |
| * Thực hiện cách ly y tế với các những người nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm
 | *0,2* |  |  |
| * Phương tiện vận tải xuất, nhập cảnh, quá cảnh
 | *0,2* |  |  |
| * Hàng hoá xuất nhập, khẩu, quá cảnh
 | *0,2* |  |  |
| * Các đối tượng khác (nếu có): thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người
 | *0,2* |  |  |
|  | Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở cung ứng thực phẩm, đồ uống, nước sinh hoạt trong khu vực cửa khẩu*Kiểm tra: Báo cáo kiểm tra giám sát; Danh sách các đơn vị được kiểm tra giám sát* | 0,5 |  |  |
|  | Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về lĩnh vực kiểm dịch y tế tại cửa khẩu*Kiểm tra: Báo cáo kết qủa hoạt động công tác truyền thông tại khu vực cửa khẩu về phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm tại các cửa khẩu/cảng/sân bay; Các văn bản, công văn, kế hoạch, chương trình phối hợp truyền thông; Tài liệu truyền thông* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện việc cung cấp thông tin về các đối tượng kiểm dịch y tế cho các đơn vị liên quan để quản lý và giám sát dịch bệnh.*Kiểm tra: Báo cáo thông tin về đối tượng kiểm dịch, giám sát dịch bệnh* | 0,25 |  |  |
|  | Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm dịch y tế*Kiểm tra: Sử dụng các phần mềm quản lý đối tượng, giám sát, theo dõi, thống kê báo cáo…* | 0,2 |  |  |
|  | Thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về công tác kiểm dịch y tế*Kiểm tra: Báo cáo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra so với kế hoạch.* | 0,25 |  |  |
|  | Thực hiện thống kê, báo cáo về các hoạt động kiểm dịch theo quy định*Kiểm tra: Số lượng báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định* | 0,25 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **4** |  |  |

**III. Kiểm soát bệnh không lây nhiễm và Dinh dưỡng: 12 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Kiểm soát bệnh không lây nhiễm** | **7** |  |  |
| 1 | Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn*Kiểm tra: Bản kế hoạch kiểm soát BKLN được phê duyệt, đề cập đến: Phòng chống hút thuốc lá, uống rượu bia, dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực; Phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường, ung thư, COPD; Giám sát tử vong, giám sát bệnh, yếu tố nguy cơ, năng lực hệ thống.* | 0,5 |  |  |
| 2. | Chỉ đạo/hướng dẫn/điều phối triển khai các hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh về*Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo/hướng dẫn triển khai hoạt động phòng chống YTNC, Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN, Quản lý điều trị BKLN, Giám sát BKLN* | 1,0 |  |  |
| * Phòng chống yếu tố nguy cơ (dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực, hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia)
 | *0,25* |  |  |
| * Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN
 | *0,25* |  |  |
| * Quản lý điều trị BKLN
 | *0,25* |  |  |
| * Giám sát BKLN
 | *0,25* |  |  |
| 3 | Giám sát việc triển khai hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Kế hoạch giám sát triển khai hoạt động phòng chống BKLN; Báo cáo kết quả giám sát* | 0,5 |  |  |
| 4. | Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến huyện, xã về kiểm soát BKLN*Kiểm tra: Tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn kỹ thuật theo từng lĩnh vực; Kế hoạch đào tạo, tập huấn; Tài liệu đào tạo, tập huấn; Danh sách giảng viên, học viên ; Báo cáo kết quả đào tạo, tập huấn* | 1,0 |  |  |
| * Xây dựng/cập nhật và ban hành hướng dẫn, tài liệu về giám sát và phòng chống YTNC và BKLN.
 | *0,25* |  |  |
| * Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về truyền thông, tư vấn phòng chống yếu tố nguy cơ
 | *0,25* |  |  |
| * Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị các BKLN
 | *0,25* |  |  |
| * Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về giám sát tử vong và thống kê, báo cáo
 | *0,25* |  |  |
| 5. | Phối hợp liên ngành với các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống BKLN*Kiểm tra: Có kế hoạch hoạt động/Cơ chế phối hợp liên ngành; Có báo cáo hoạt động* | 0,5 |  |  |
| 6. | Triển khai các hoạt động phòng chống yếu tố nguy cơ và BKLN | 1,5 |  |  |
| Truyền thông vận động đối với các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể về phòng chống YTNC và BKLN*Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông (nội dung phù hợp với các vận động chính sách); Có báo cáo hoạt động* | *0,25* |  |  |
| Truyền thông cho cộng đồng về: * Tác hại thuốc lá
* Tác hại rượu, bia
* Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý
* Tăng cường hoạt động thể lực

*Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động* | *0,25* |  |  |
| Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông theo chủ đề trong phòng chống BKLN* Bệnh đái tháo đường
* Tăng huyết áp
* Bệnh ung thư
* Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính

*Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động* | *0,25* |  |  |
| Triển khai/tham gia triển khai các mô hình nâng cao sức khoẻ tại các nơi công cộng, công sở, trường học và cộng đồng*Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động* | *0,25* |  |  |
| Chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật tuyến dưới thực hiện các dịch vụ về phát hiện sớm, tư vấn, quản lý điều trị BKLN tại cộng đồng*Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động* | *0,25* |  |  |
| Phối hợp với các khoa/phòng có liên quan của Trung tâm sàng lọc cơ hội nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu tiền bệnh, mắc BKLN trong các đợt khám sức khoẻ học sinh, người lao động*Kiểm tra: Kế hoạch sàng lọc/phát hiện sớm BKLN, tiền bệnh trong các đợt khám sức khoẻ do TTYTDP thực hiện; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động* | *0,25* |  |  |
| 7. | Thống kê, báo cáo và giám sát BKLN | 1 |  |  |
| Điều tra/tham gia điều tra, quản lý thông tin về yếu tố nguy cơ của BKLN trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo phối hợp điều tra; Có kế hoạch điều tra; Có cơ sở dữ liệu* | *0,2* |  |  |
| Thu thập, quản lý số liệu tử vong trên địa bàn tỉnh *Kiểm tra: Báo cáo số liệu và phân tích nguyên nhân tử vong (theo ICD 10) của toàn tỉnh/thành phố; Bảng theo dõi việc gửi (cho tuyến trung ương) và nhận báo cáo tử vong (từ tuyến huyện) được cập nhật; Cơ sở dữ liệu tử vong được cập nhật định kỳ* | *0,2* |  |  |
| Thu thập, quản lý số liệu về tình hình mắc các BKLN trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Có biểu mẫu thu thập thông tin; Có hồ sơ quản lý được cập nhật; Có báo cáo lưu số liệu* | *0,2* |  |  |
| Thu thập, quản lý số liệu về khả năng đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Có bản tổng hợp đánh giá năng lực đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trong tỉnh* | *0,2* |  |  |
| Phân tích và báo cáo tổng hợp về thực trạng YTNC và BKLN trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Có đầy đủ các báo cáo* | *0,2* |  |  |
| 8. | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về kiểm soát BKLN của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo mục tiêu, chỉ tiêu so với kế hoạch* | 1,0 |  |  |
| **II** | **Dinh dưỡng** | **5** |  |  |
|  | Xây dựng đầy đủ các kế hoạch về hoạt động dinh dưỡng*Kiểm tra: Kế hoạch các hoạt động dinh dưỡng được phê duyệt* | 0,5 |  |  |
|  | Chỉ đạo triển khai các hoạt động về dinh dưỡng*Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo; Có báo cáo hoạt động* | 1 |  |  |
|  | Phối hợp liên ngành/đơn vị liên quan để chủ động triển khai các hoạt động về dinh dưỡng- Chiến dịch Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng (ngày vi chất dinh dưỡng, tổ chức uống vitamin A, sử dụng muối iot....) và Tuần lễ dinh dưỡng phát triển hàng năm - Triển khai các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, an ninh thực phẩm, các mô hình về dinh dưỡng*Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo, kế hoạch phối hợp hoạt động liên ngành; Có báo cáo hoạt động*  | 0,5 |  |  |
|  | Triển khai hệ thống giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn- Giám sát tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em- Giám sát tình trạng thừa cân béo phì ở học sinh và các đối tượng khác- Giám sát về tiêu thụ thực phẩm (bao gồm cả tiêu thụ muối, rau quả, rượu bia ...) và các mối nguy về an toàn thực phẩm (điều tra 30 cụm)*Kiểm tra: Có công văn chỉ đạo; Có kế hoạch, nội dung triển khai; Có báo cáo kết quả giám sát* | 0,5 |  |  |
|  | Thực hiện đánh giá và theo dõi, xử trí về tình trạng dinh dưỡng khẩn cấp của trẻ em và bà mẹ có thai và các đối tượng nguy cơ cao tại những nơi bị thiên tai, thảm họa và dịch bệnh*Kiểm tra: Có công văn chỉ đạo; Có biên bản giám sát; Có kế hoạch, nội dung triển khai; Có báo cáo kết quả theo dõi, xử trí* | 0,25 |  |  |
|  | Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dinh dưỡng ở tuyến cơ sở*Kiểm tra: Có kế hoạch hoạt động, công văn/giấy mời; Nội dung đào tạo tập huấn; Danh sách giảng viên, học viên; Có báo cáo hoạt động* | 0,5 |  |  |
|  | Triển khai các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông dinh dưỡng*Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông kèm theo; Có báo cáo hoạt động* | 0,25 |  |  |
|  | Hoàn thành được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về dinh dưỡng của địa phương đã đề ra*Kiểm tra: Có báo cáo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra hàng năm* | 1,0 |  |  |
| Giảm suy dinh dưỡng trẻ em | *0,2* |  |  |
| Cải thiện bữa ăn | *0,2* |  |  |
| Kiểm soát thừa cân béo phì và rối loạn chuyển hóa cholesterol máu, gluco máu | *0,2* |  |  |
| Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng | *0,2* |  |  |
| Nâng cao năng lực mạng lưới cán bộ làm dinh dưỡng | *0,1* |  |  |
| Nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý | *0,1* |  |  |
|  | Thực hiện thống kê báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định*Kiểm tra: Có báo cáo* | 0,5 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **12** |  |  |

**IV. Sức khỏe môi trường và sức khoẻ trường học: 7 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Hoạt động sức khỏe môi trường** | **4** |  |  |
| 1 | Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường hàng năm*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường hàng năm được phê duyệt.* | 0,5 |  |  |
| 2 | Kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt của các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn theo phân cấp quản lý*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo về giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt theo phân cấp quản lý; Danh sách các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn được quản lý; Danh sách các cơ sở cấp nước được kiểm tra, giám sát về chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt trong năm; Biên bản kiểm tra, giám sát; Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát (các báo cáo lưu giữ theo quy định, minh chứng trong hồ sơ 01 báo cáo tháng; báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, báo cáo khi có sự cố kỹ thuật và thiên tai liên quan đến chất lượng nước).* | 0,5 |  |  |
| *Quản lý cơ sở cấp nước ăn uống và sinh hoạt trên địa bàn.*  | *0,25* |  |  |
| *Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá vệ sinh nguồn nước ăn uống, sinh hoạt tại cơ sở cấp nước và hộ gia đình theo quy định. Kiểm tra giám sát chất lượng nước trong sự cố kỹ thuật và thiên tai.* | *0,25* |  |  |
| 3 | Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh *Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo/tài liệu hướng dẫn tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; Báo cáo tình hình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn. Trong đó nêu rõ các kết quả thực hiện Chương trình MTQG* | 0,25 |  |  |
| *Hoàn thành mục tiêu của Chương trình MTQG* | *0,25* |  |  |
| *Chưa đạt mục tiêu của Chương trình MTQG nhưng tỷ lệ sử dụng nước sạch tăng so với năm trước (số tăng chiếm ≥10% tổng số)* | *0,15* |  |  |
| 4 | Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường của các bệnh viện và các cơ sở y tế khác trên địa bàn; Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bànKiểm *tra: Văn bản chỉ đạo về công tác quản lý chất thải y tế và phân cấp quản lý các CSYT trên địa bàn; Danh sách quản lý các CSYT trên địa bàn, các CSYT được kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, các CSYT có thực hiện quan trắc môi trường; Văn bản hướng dẫn các CSYT thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế; Công tác tập huấn; Biên bản kiểm tra, giám sát các CSYT về công tác quản lý chất thải y tế và thực hiện các quy định về BVMT; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, QTMTYT cho các CSYT trên địa bàn* | 0,25 |  |  |
| *Quản lý các cơ sở y tế trên địa bàn* | *0,05* |  |  |
| *Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn* | *0,1* |  |  |
| *Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường, xử lý khắc phục… của các bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn theo phân cấp* | *0,1* |  |  |
| 5 | Quản lý thông tin, dữ liệu về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm như khu công nghiệp, các làng nghề, các vùng có nguy cơ ảnh hưởng nhiều do thiên tai…*KIểm tra: Danh sách các vùng/khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Danh sách các vùng/khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai; Báo cáo/dữ liệu/thông tin theo dõi, giám sát tại các vùng có nguy cơ về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường.* | 0,3 |  |  |
| *Xác định và phân vùng các khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường* | *0,1* |  |  |
| *Xác định và phân vùng các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai* | *0,1* |  |  |
| *Giám sát và đánh giá các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe người dân tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các vùng chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai* | *0,1* |  |  |
| 6  | Tham gia điều tra, hướng dẫn xử lý và báo cáo kịp thời theo quy định về các sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...)*Kiểm tra: Phương án ứng phó đối với các sự cố sức khỏe môi trường có thể xảy ra; Văn bản/Tài liệu hướng dẫn xử trí khi có sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...); Báo cáo về tình hình xảy ra các sự cố môi trường trên địa bàn; Nếu có sự cố môi trường: Công văn phối hợp liên ngành (nếu có); Biên bản điều tra, giám sát những khu vực xảy ra sự cố môi trường; Báo cáo kết quả xử lý sự cố.* | 0,3 |  |  |
| *Có các kế hoạch ứng phó trong sự cố sức khỏe môi trường* | *0,1* |  |  |
| *Tham gia hướng dẫn xử lý các sự cố sức khỏe môi trường* | *0,1* |  |  |
| *Tham gia điều tra, giám sát, báo cáo các trường hợp sự cố sức khỏe môi trường* | *0,1* |  |  |
| 7 | Tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa....*Kiểm tra: Kế hoạch và văn bản chỉ đạo thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, dịch bệnh tại vùng có nguy cơ hoặc vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; Báo cáo kết quả thực hiện* | 0,3 |  |  |
| 8 | *Tổ* chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực sức khỏe môi trường cho tuyến dưới*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyến dưới hoặc tài liệu hướng dẫn; Công tác tập huấn: Công văn/Giấy mời kèm kế hoạch/chương trình tập huấn, Danh sách học viên, giảng viên, Tài liệu tập huấn* | 0,3 |  |  |
| 9 | Triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng*Kiểm tra: Kế hoạch truyền thông; Nội dung, tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động truyền thông* | 0,3 |  |  |
| 10 | Triển khai thực hiện các phong trào vệ sinh phòng bệnh, làng văn hóa sức khoẻ và các phong trào liên quan khác do ngành và địa phương phát động*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về triển khai các phong trào vệ sinh phòng bệnh, làng văn hóa sức khoẻ và các phong trào liên quan khác do ngành và địa phương phát động; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, thực hiện.* | 0,2 |  |  |
| 11 | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe môi trường của Trun tâm. Trong đó có các số liệu liên quan đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương.* | 0,5 |  |  |
| 12 | Thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe môi trường theo quy định hiện hành.* | 0,3 |  |  |
| **II** | **Sức khỏe trường học** | **3** |  |  |
| 1 | Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm được phê duyệt.* | 0,3 |  |  |
| 2 | *Phối* hợp với ngành giáo dục để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT*Kiểm tra: Công văn, kế hoạch hoạt động phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả hoạt động phối hợp liên ngành.* | 0,5 |  |  |
| 3 | Hướng dẫn, hỗ trợ công tác giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện theo kế hoạch; Tài liệu hướng dẫn chuyên môn; Danh sách các đơn vị đã được hướng dẫn, hỗ trợ; Báo cáo tổng hợp về kết quả công tác hỗ trợ, giám sát.* | 0,3 |  |  |
| 4 | *Chỉ* đạo các trung tâm y tế huyện phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tổ chức khám chuyên khoa, phát hiện, chẩn đoán, điều trị các bệnh tật cho học sinh*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện công tác khám phát hiện bệnh tật học sinh của tuyến dưới* | 0,3 |  |  |
| 5 | Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục.*Kiểm tra: Các báo cáo, biên bản kiểm tra của trung tâm về điểu kiện vệ sinh tại các trường quản lý; Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học.* | 0,25 |  |  |
| 6 | Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn*Kiểm tra: Công văn/Giấy mời kèm kế hoạch, chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Nội dung, tài liệu tập huấn* | 0,3 |  |  |
| 7 | Phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục, truyền thông trên địa bàn để chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ về phòng chống dịch bệnh, bệnh tật lứa tuổi học đường*Kiểm tra: Công văn, kế hoạch phối hợp truyền thông; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả phối hợp triển khai trong công tác tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe.* | 0,25 |  |  |
| 8 | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe trường học của địa phương. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương* | 0,5 |  |  |
| 9 | Thực hiện thống kê, báo cáo về công tác y tế trường học theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe trường học theo quy định hiện hành* | 0,3 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **7** |  |  |

**V. Sức khỏe nghề nghiệp: 7 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp hằng năm*Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp hằng năm được phê duyệt* | 0,5 |  |  |
| 2 | Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khoẻ nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo và phân cấp quản lý; Danh sách các cơ sở sản xuất và cơ sở y tế chia theo địa bàn đã phân cấp quản lý, trong đó có các thông tin về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, số vụ tai nạn lao động, đánh giá mức độ nguy cơ về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.* | 1 |  |  |
| 3 | *Kiểm* tra, giám sát việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động*Kiểm tra: Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, quan trắc môi trường lao động, điều kiện lao động của các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động, thống kê cụ thể tổng số mẫu đo, số mẫu đạt và không đạt TC..., các khuyến nghị (có thể lồng ghép trong các báo cáo thực hiện công tác ATVSLĐ hằng năm); Danh sách các cơ sở sử dụng lao động có thực hiện quan trắc môi trường lao động. Trong đó có thông tin về quy mô hoạt động, việc lập hồ sơ vệ sinh lao động, đơn vị lập hồ sơ, có/không đánh giá mức độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của công việc qua các chỉ số về Vệ sinh lao động, tâm sinh lý lao động và ecgônômi* | 1 |  |  |
| 4 | *Quản* lý thông tin, dữ liệu về tình hình sử dụng các hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động trong danh mục, hướng dẫn xử lý ban đầu khi bị nhiễm độc.*Kiểm tra: Danh sách cơ sở sản xuất, lưu trữ, sử dụng và kinh doanh hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động, tên các hóa chất, kết quả thẩm định; Tài liệu hướng dẫn xử lý ban đầu khi bị nhiễm độc với các hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động* | 0,5 |  |  |
| 5 | Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động*Kiểm tra: Báo cáo tình hình sự cố, nhiễm độc và tai nạn lao động xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (có thể lồng ghép trong báo cáo về công tác ATVSLĐ hằng năm; báo cáo kết quả hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ và PCCN)* | 0,5 |  |  |
| 6 | Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, phát hiện nguy cơ sức khỏe, bệnh tật (bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN…). Triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động. Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động. Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động*Kiểm tra: Công văn/văn bản chỉ đạo, phối hợp; Tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động, theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện công tác CSSK NLĐ, trong đó thống kê rõ (theo phân cấp):**+ Tổng số người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến và số người nhóm này được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.**+ Tổng số người lao động có nghi ngờ mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN… và số lượng người đã được chẩn đoán xác định, giám định bệnh nghề nghiệp.**+ Số cơ sở sử dụng lao động có hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động.* | 0,5 |  |  |
| 7 | *Phối* hợp với ngành lao động thương binh xã hội quản lý, theo dõi việc thực hiện các chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe, điều trị và phục hồi chức năng lao động cho người lao động đã được xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo/Thông tin về tình hình thực hiện chế độ cho người lao động bị BNN, tai nạn lao động; Danh sách người lao động đã xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn được cập nhật hằng năm theo quy định.* | 0,5 |  |  |
| 8 | Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động truyền thông về y tế lao động; phòng chống bệnh nghề nghiệp; phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động thông tin, truyền thông* | 0,5 |  |  |
| 9 | Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng công tác trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp và các đối tượng liên quan trên địa bàn*Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn* | 1 |  |  |
| 10 | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe nghề nghiệp của Trung tâm. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương* | 0,5 |  |  |
| 11 | Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe nghề nghiệp theo quy định hiện hành.* | 0,5 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **7** |  |  |

**VI. Phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng: 4 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*Kiểm tra: Các kế hoạch hoạt động về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng và côn trùng được phê duyệt* | 0,5 |  |  |
| 2 | Chỉ đạo triển khai các hoạt động phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng* | 0,5 |  |  |
| 3 | Thực hiện giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh Sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình hình sốt rét của địa phương*Kiểm tra: Kết quả giám sát đánh giá nguy cơ dịch bệnh Sốt rét của địa phương; Phân vùng sốt rét, biểu đồ theo dõi diến biến tỷ lệ tử vong, mắc Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng theo hàng tháng hay giai đoạn so với cùng kỳ năm trước.* | 0,5 |  |  |
| 4 | Quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch/vụ dịch sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*Kiểm tra: Báo cáo kết quả quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch/vụ dịch sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng*. | 0,5 |  |  |
| 5 | Triển khai các biện pháp phòng chống véc tơ, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng tại các vùng nguy cơ cao theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo kết quả điều trị sốt rét, các bệnh ký sinh trùng khác (giun sán), bệnh do côn trùng truyền; Kết quả triển khai các biện pháp phòng chống sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng (tẩm màn, phun hóa chất, uống thuốc tẩy giun...)* | 0,5 |  |  |
| 6 | Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức tryền thông, giáo dục sức khỏe về công tác phòng chống bệnh sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn*Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động truyền thông về phòng chống bệnh sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động thông tin, truyền thông.* | 0,25 |  |  |
| 7 | Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn*Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn* | 0,5 |  |  |
| 9 | Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng của địa phương*Kiểm tra: Báo cáo kết quả và phân tích các mục tiêu, chỉ tiêu đạt và không đạt so với kế hoạch đề ra hàng năm, nêu rõ lý do và đề xuất khắc phục cho năm tiếp theo* | 0,5 |  |  |
| 10 | Thực hiện tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn theo quy định*Kiểm tra: Báo cáo minh chứng tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng trên địa bàn theo quy định* | 0,25 |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **4** |  |  |

**VII.**  **Xét nghiệm: 10 điểm**

| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **I. Năng lực xét nghiệm:** | **6** |  |  |
|  | Thực hiện lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm đúng quy trình*Kiểm tra: Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm; Sổ quản lý mẫu bệnh phẩm* | 1 |  |  |
|  | Thực hiện được 100% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Phụ lục 3) và có giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm*Kiểm tra: Giấy chứng nhận của các Viện chuyên ngành hoặc các cơ quan công nhận chất lượng cấp; Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; Cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; Sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật; Hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; Hồ sơ trang thiết bị* | 2 |  |  |
|  | Thực hiện được70% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Phụ lục 5) và có giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm*Kiểm tra: Giấy chứng nhận của các Viện chuyên ngành hoặc các cơ quan công nhận chất lượng cấp; Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; Cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; Sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật; Hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; Hồ sơ trang thiết bị* | 2 |  |  |
|  | Tham gia giám sát, đánh giá về an toàn sinh học tại các cơ sở xét nghiệm trên địa bàn tỉnh*Kiểm tra: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ATSH của tỉnh; Cán bộ tham gia đánh giá có chứng nhận được đào tạo về ATSH và đào tạo về đánh giá PXN ATSH; Báo cáo kết quả đánh giá an toàn sinh học các cơ sở xét nghiệm; Báo cáo tổng kết các cơ sở xét nghiệm được giám sát ATSH* | 0.5 |  |  |
|  | Hướng dẫn, tập huấn cho các cơ sở y tế về quy trình lấy mẫu, bảo quản vận chuyển bệnh phẩm và các kỹ thuật xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật*Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn/giám sát/hướng dẫn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả các lớp tập huấn và hoạt động tập huấn đào tạo* | 0.5 |  |  |
| **2** | **An toàn sinh học, hóa học:** | **2** |  |  |
|  | Các phòng xét nghiệm vi sinh được chứng nhận an toàn sinh học theo quy định*Kiểm tra: Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt ATSH theo qui định; Hồ sơ giám sát, kiểm tra, đánh giá ATSH của phòng thí nghiệm* | 1 |  |  |
|  | Các phòng xét nghiệm lý-hóa học được thực hiện đảm bảo an toàn lý-hóa học theo qui định*Kiểm tra: Qui định an toàn lý-hóa; Qui trình xử lý sự cố được ban hành; Các phương tiện bảo hộ lao động tương ứng sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay…); Các thiết bị giật nước khẩn cấp, rửa mắt, dung dịch kiềm loãng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; Có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý-hóa hoặc qui định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lòng (nếu chưa có hệ thống xử lý); Số tủ hút tương ứng với các phòng XN lý-hóa* | 1 |  |  |
| **3** |  **Quản lý chất lượng xét nghiệm:** | **2** |  |  |
|  | Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 đối với một số xét nghiệm bắt buộc về kiểm tra chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, thực phẩm*Kiểm tra: Quyết định công nhận của Văn phòng công nhận chất lượng kèm danh mục các phép thử được công nhận* | 1 |  |  |
|  | Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 15189 hoặc theo Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/01/2013 về hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại các cơ sở khám chữa bệnh*Kiểm tra: Quyết định công nhận của Văn phòng công nhận chất lượng; Các quy trình xét nghiệm và quy trình sử dụng trang thiết bị; Các hồ sơ (Nhân sự, Quản lý trang thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị xét nghiệm, Theo dõi và kiểm tra chất lượng môi trường, sinh phẩm, hóa chất và vật tư tiêu hao); Báo cáo kết quả thực hiện nội kiểm; Bản đăng ký và kết quả tham gia chương trình Ngoại kiểm (nếu sẵn có); Bảng kiểm/báo cáo giám sát điều kiện môi trường xét nghiệm; Quy trình khắc phục sự cố/sai sót xảy ra trong PXN* | 1 |  |  |
|  | **Tổng** | **10** |  |  |

**VIII. Khám tư vấn và điều trị dự phòng: 4 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Nội dung kiểm tra chấm điểm****(2)** | **Điểm chuẩn****(3)** | **Điểm tự chấm****(4)** | **Điểm kiểm tra****(5)** |
| 1 | Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động của phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng*Kiểm tra: Bản kế hoạch hoạt động của phòng khám tư vấn, điều trị dự phòng hàng năm được duyệt* | 0,5 |  |  |
| 2 | Tổ chức cung cấp dịch vụ*Kiểm tra: Các quy trình kỹ thuật; nội quy, quy chế thực hiện dịch vụ cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của từng lĩnh vực và các quy định của nhà nước có liên quan; Các sổ sách, hồ sơ quản lý, theo dõi và báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ; Các tài liệu đào tạo, tập huấn, tư vấn, truyền thông; Các kết quả thanh kiểm tra; Lưu trữ hồ sơ, sổ sách theo quy định* | 3,5 |  |  |
| - Sử dụng vắc xin, sinh phẩm phòng bệnh theo yêu cầu. | *0,5* |  |  |
| - Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh truyền nhiễm. | *0,5* |  |  |
| - Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh không lây nhiễm | *0,5* |  |  |
| - Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng bệnh liên quan đến nghề nghiệp | *0,5* |  |  |
| - Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng bệnh học đường và bệnh liên quan đến lứa tuổi | *0,25* |  |  |
| - Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh liên quan đến dinh dưỡng | *0,25* |  |  |
| - Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh xã hội | *0,25* |  |  |
| - Tư vấn, phục hồi chức năng | *0,25* |  |  |
| - Các dịch vụ y tế dự phòng khác (xét nghiệm, đào tạo, tập huấn, truyền thông, vệ sinh phòng bệnh …) | *0,5* |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **4** |  |  |

***Ghi chú:***

 *- Điểm chuyên môn của đơn vị được tính theo chức năng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.*

 *Ví dụ: Đơn vị không được giao nhiệm vụ phòng chống Sốt rét và các bệnh ký sinh trùng thì điểm chuyên môn là: 68 điểm – 5 điểm = 63 điểm.*

 *- Chấm điểm chuyên môn theo bảng điểm trên căn cứ vào hồ sơ, báo cáo lưu về các hoạt động và không cho điểm trung gian, nếu tiêu chí nào không thực hiện thì không cho điểm*

 *- Kết quả chấm điểm = tổng số điểm đạt/điểm chuẩn của đơn vị (theo chức năng, nhiệm vụ được giao) x100%.*

 *Ví dụ: điểm chuẩn của đơn vị theo chức năng nhiệm vụ là 95 (không có nhiệm vụ phòng chống Sốt rét và các bệnh ký sinh trùng), chấm điểm về công tác quản lý điều hành đạt 32/32; chấm điểm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đạt 60/63 thì cách tính điểm như sau: tổng số điểm đạt là 32+60=92; kết quả chấm điểm = (92:95)x100% = 96,84/100 điểm.*

 *- Đối với các đơn vị thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Bảng kiểm tra và được cấp có thẩm quyền giao thêm chức năng nhiệm vụ khác thì tùy vào nhiệm vụ được giao thêm đơn vị tự xây dựng tiêu chí đánh giá chấm điểm nhưng điểm chuẩn không vượt quá 110 điểm (cách tính kết quả như đã nêu trên).*

Kết quả kiểm tra:

* Điểm chuẩn của đơn vị (A+B):
* Điểm đơn vị tự chấm (A+B):
* Điểm kiểm tra (A+B): Tỷ lệ phần trăm đạt:…………..%
* Xếp loại: Giỏi Khá Trung bình Yếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thư ký đoàn kiểm tra** | **Trưởng đoàn kiểm tra** | **Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra***(ký tên, đóng dấu)* |